TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ A** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12-4-2023
V/v "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Duy Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Nhàn;

2. Bà Trương Thị Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Thu – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, *tỉnh Bình Định tham gia phiên toà*: Ông Nguyễn Thanh Liêm - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2023 về "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 287/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 477/2023/QĐST-DS ngày 30 tháng 3 năm 2023; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Võ Thế K, sinh năm 1983 (vắng mặt, có đơn yêu cầu vắng mặt)

Địa chỉ: Khu vực L, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1982 (vắng mặt, có đơn yêu cầu vắng mặt)

Địa chỉ: Số 96 V, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, các giai đoạn tố tụng tiếp theo, nguyên đơn anh Võ Thế K trình bày:

Trước khi cưới, anh và chị Nguyễn Thị Tuyết M có tìm hiểu nhau trong thời gian khoảng một năm. Cả hai tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn năm vào ngày 03 tháng 3 năm 2016 tại UBND phường B, thị xã A. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại nhà cha mẹ anh tại phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn do chị M sử dụng tiền không rõ mục đích dẫn đến thâm nợ và phải vay ngân hàng. Thậm chí chị M còn lấy căn cước công dân của anh để vay và bán xe mô tô của anh. Từ đó vợ chồng thường xuyên kình cãi nhau. Từ tháng 4 năm 2022 đến nay, chị M bỏ đi và để lại hai người con chung cho anh nuôi dưỡng. Anh xác định không còn tình cảm với chị M và không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa nên yêu cầu ly hôn.

Vợ chồng có hai người con chung gồm: T1, sinh ngày 24 tháng 6 năm 2016 và Võ Thế C, sinh ngày 06 tháng 8 năm 2018. Anh yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng hai người con chung, không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay anh làm nghề thợ xây. Anh nhận công trình để xây dựng, tính chất khoán theo công việc, chủ động được thời gian đưa đón con. Thu nhập trung bình mỗi tháng 10.000.000 đồng.

Anh không tranh chấp về tài sản chung và nợ chung.

Theo Biên bản lấy lời khai, các giai đoạn tố tụng tiếp theo, bị đơn chị Nguyễn Thị Tuyết M trình bày:

Trước khi cưới, chị và anh Võ Thế K có tìm hiểu nhau trong thời gian khoảng một năm. Cả hai tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 03 tháng 3 năm 2016 tại UBND phường B, thị xã A. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại nhà cha mẹ anh K tại khu vực L, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định. Vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn do chị cho người khác mượn tiền, vì họ không trả tiền cho chị nên dẫn đến thâm nợ, từ đó vợ chồng thường xuyên kình cãi nhau. Đến tháng 6 năm 2022 thì chị bỏ đi ra thuê nhà ở tại số 96 V, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định và đi làm công nhân may, thu nhập mỗi tháng khoảng từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng. Nay vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa và không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa nên chị đồng ý ly hôn với anh Võ Thế K.

Vợ chồng có hai người con chung gồm: T1, sinh ngày 24 tháng 6 năm 2016 và Võ Thế C, sinh ngày 06 tháng 8 năm 2018. Hiện nay hai con chung đang ở với anh K. Tại Biên bản ghi lời khai ngày 07 tháng 3 năm 2023 và tại Biên bản hòa giải ngày 07 tháng 3 năm 2023 chị yêu cầu được nuôi con tên Võ Thế C, giao con

tên T1 cho anh K nuôi; không ai cấp dưỡng nuôi con. Nhưng tại Đơn xin vắng mặt ngày 31 tháng 3 năm 2023 chị đồng ý giao hai người con chung cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị không tranh chấp về tài sản chung và nợ chung.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng:

+ Hoạt động tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đều tuân thủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Nguyên đơn anh Võ Thế K và bị đơn chị Nguyễn Thị Tuyết M vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

+ Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Võ Thế K và chị Nguyễn Thị Tuyết M.

+ Ghi nhận sự thỏa thuận của anh K và chị M: Giao hai người con chung tên T1, sinh ngày 24 tháng 6 năm 2016 và Võ Thế C, sinh ngày 06 tháng 8 năm 2018 cho anh Võ Thế K trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Võ Thế K không yêu cầu chị Nguyễn Thị Tuyết M cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Anh Võ Thế K và chị Nguyễn Thị Tuyết M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

+ Về án phí: Anh Võ Thế K phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh Võ Thế K yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con với chị Nguyễn Thị Tuyết M có địa chỉ cư trú tại số 96 V, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Nguyên đơn anh Võ Thế K và bị đơn chị Nguyễn Thị Tuyết M vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt

nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Anh K và chị M đủ điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn vào ngày 03 tháng 3 năm 2016 tại UBND phường B. Theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa anh K và chị M là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, anh K và chị M đều thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn về tiền bạc và từ tháng 6 năm 2022 đến nay vợ chồng không còn sống chung với nhau. Anh K yêu cầu ly hôn và chị M đồng ý nên theo quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh K và chị M.

[4] Anh K và chị M có hai người con chung gồm: T1, sinh ngày 24 tháng 6 năm 2016 và Võ Thế C, sinh ngày 06 tháng 8 năm 2018. Hiện nay hai người con chung đang ở với anh K. Anh K yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng hai người con chung và không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con. Tại Biên bản ghi lời khai ngày 07 tháng 3 năm 2023 và tại Biên bản hòa giải ngày 07 tháng 3 năm 2023 chị M yêu cầu được nuôi con tên Võ Thế C, giao con tên T1 cho anh K nuôi; không ai cấp dưỡng nuôi con. Nhưng tại Đơn xin vắng mặt ngày 31 tháng 3 năm 2023 chị M đồng ý giao hai người con chung cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận giữa anh K và chị M, giao hai người con chung cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh K không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Anh K và chị M không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Anh K tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Võ Thế K và chị Nguyễn Thị Tuyết M.

2. Ghi nhận sự thỏa thuận giữa anh Võ Thế K và chị Nguyễn Thị Tuyết M về con chung: Giao hai người con chung tên T1, sinh ngày 24 tháng 6 năm 2016 và Võ Thế C, sinh ngày 06 tháng 8 năm 2018 cho anh Võ Thế K trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị Tuyết M không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con và không ai được cản trở.

Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

3. Không giải quyết về tài sản chung và nợ chung vì đương sự không yêu cầu.

4. Về án phí: Anh Võ Thế K tự nguyện chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005613 ngày 17 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A. Anh Võ Thế K được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Ủy ban nhân dân phường B;
- TAND tỉnh Bình Định;
- Lưu: Văn phòng; Hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Duy Minh